

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DẠY HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC: NHÌN TỪ CẤP ĐỘ MÔN HỌC

Trần Thị Thu Yên¹, Nguyễn Thị Hạnh², Đỗ Thanh Tú³

Tóm tắt. Dạy học theo tiếp cận năng lực là một xu hướng thực tế mà các nhà quản trị giáo dục rất quan tâm trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Để đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo, cần đảm bảo chất lượng từ giai đoạn xây dựng, thực thi đến giai đoạn đánh giá cải tiến. Quá trình xây dựng không thể thiếu một mắt xích quan trọng là xây dựng các học phần. Bài viết này nghiên cứu quá trình quản lý cấp độ môn học tại một trường đại học đa ngành, từ đó đánh giá và đưa ra đề xuất nhằm nâng cao chất lượng môn học nói riêng và việc dạy học tiếng Anh tại trường đại học nói chung.

Từ khóa: Năng lực, dạy học ngoại ngữ theo tiếp cận năng lực, quản lý môn học theo tiếp cận năng lực, tiếng anh cơ bản 3.

1. Đặt vấn đề

Trong bài phát biểu tại TEDxPenangRoad (2017), nhà giáo dục Marianna Pascal muốn nhấn mạnh rằng việc giao tiếp của nhiều người không hoàn toàn phụ thuộc vào trình độ tiếng Anh. Một trong những ví dụ rất ấn tượng là khi cô đi mua thực phẩm chức năng có Omega, trong đó có Omega chứa DHA và loại chứa EPA. Cô gặp hai người bán hàng, một người nói tiếng Anh rất tốt, nhưng lại khá lo lắng và nói với cô rất nhiều về 2 loại hàng nhưng không bán được gì. Trong khi đó, một người bán hàng khác, tiếng Anh không thực sự tốt, chỉ nói 5 phút ngôn ngữ rất ngắn, nhưng lại bán được hàng. Vấn đề diễn giả nhấn mạnh trong trường hợp này là sử dụng ngoại ngữ đem lại kết quả. Và điều này có vẻ đang đi chung hướng với xu hướng dạy học theo năng lực nói chung và Việt Nam nói riêng, theo đó việc dạy học không chỉ trang bị kiến thức chuyên ngành mà còn cần thiết rèn luyện kỹ năng và thái độ đối với một ngành nghề.

Dạy học theo tiếp cận năng lực, là phương thức dạy học dựa chủ yếu vào tiêu chuẩn năng lực quy định cho một nghề và dạy học theo các tiêu chuẩn đó. Dạy học theo tiếp cận năng lực gắn rất chặt chẽ với yêu cầu của nơi làm việc, của người sử dụng lao động, của các ngành nghề. Đặc biệt, đối với môn tiếng Anh, sinh viên cần đạt được năng lực giao tiếp được trong môi trường làm việc theo chuyên ngành được đào tạo. Ví dụ như sinh viên tốt nghiệp Marketing có thể mô tả về các kênh quảng bá sản phẩm cụ thể bằng tiếng Anh. Sinh viên ngành quản trị nhân lực có thể viết và giải thích về một thông báo tuyển dụng và các kênh tuyển dụng bằng tiếng Anh ... Điều này yêu cầu thêm các nội dung chuyên ngành, vượt ra ngoài khung các chủ đề giao tiếp thông thường như mô tả trong khung năng lực bậc 3 (Gia đình, Giáo dục, Phim ảnh, Hoạt động giải trí, Phương tiện truyền thông ...). Các nội dung chuyên ngành cần thể hiện trong mục tiêu môn học, nội dung dạy học, phương pháp hình thức dạy học và công tác kiểm tra đánh giá.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục nói chung và với các xu hướng dạy học mới và sự hỗ trợ khoa học công nghệ, các khối ngành về kinh tế tài chính (quản trị kinh doanh, kế toán, tài chính ...) khá phổ biến và được lựa chọn tại nhiều trường đại học, trong đó có Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Để đảm bảo chất lượng

Ngày nhận bài: 02/03/2023. Ngày nhận đăng: 21/04/2023.

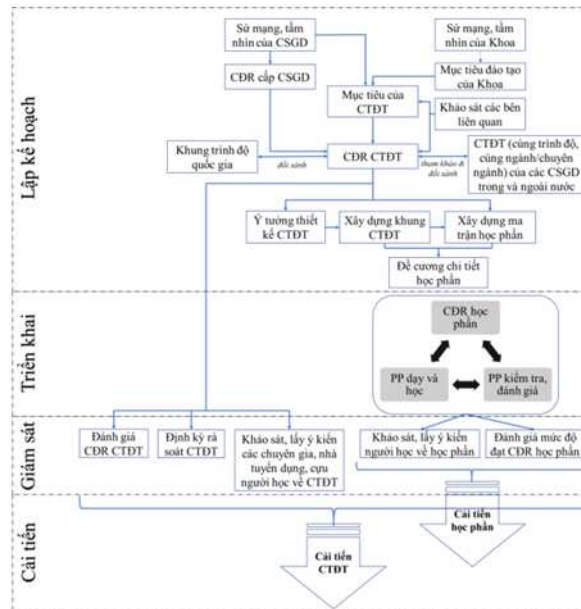
¹Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Trường Đại học Hòa Bình

³Học viện Quản lý Giáo dục

Tác giả liên hệ: Đỗ Thanh Tú. Địa chỉ e-mail: tudt@niem.edu.vn

chương trình đào tạo, cần đảm bảo chất lượng từ giai đoạn xây dựng, thực thi đến giai đoạn đánh giá cải tiến (Thẩm, 2018). Quá trình quản lý dạy học học phần là một phần không thể tách rời trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo như hình 1 (Đình Thành Việt & Trần Thị Hà Vân, 2021).



Hình 1. Quy trình xây dựng và phát triển chương trình Đào tạo

Bài viết mô tả nghiên cứu từ việc so sánh bộ tài liệu được sử dụng trong quá trình thực hiện một học phần cụ thể dành cho sinh viên các khối ngành về kinh tế: môn học tiếng Anh cơ bản, thực hiện trong học kỳ 3, từ góc độ quản lý theo năng lực. Bộ tài liệu được nghiên cứu từ giai đoạn xây dựng đề cương chi tiết đến giai đoạn giảng dạy, kiểm tra đánh giá và cuối cùng là tổng kết môn tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

2. Dạy học ngoại ngữ theo năng lực

Theo Trần Khánh Đức (2015), năng lực là: “Khả năng tiếp nhận và vận dụng tổng hợp, có hiệu quả mọi tiềm năng của con người (tri thức, kỹ năng, thái độ, thể lực, niềm tin..) để thực hiện có chất lượng và hiệu quả công việc hoặc xử lý với một tình huống, trạng thái nào đó trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp trong các điều kiện cụ thể và theo các chuẩn mực nhất định”.

Dạy học ngoại ngữ theo tiếp cận năng lực có một số đặc điểm sau đây:

- Định hướng đầu ra: Dạy học theo tiếp cận năng lực định hướng và chú trọng vào kết quả, đầu ra của quá trình dạy học. Dạy học theo tiếp cận năng lực quan tâm đến từng người học có thể làm được việc gì đó trong một tình huống nghề nghiệp nhất định theo tiêu chuẩn đề ra. Trong dạy học theo tiếp cận năng lực, một người được xem là có năng lực khi họ làm được việc gì đó (điều này có liên quan tới nội dung chương trình dạy học) và có thể làm được những việc đó tốt như mong đợi (điều này có liên quan tới việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào tiêu chuẩn nghề).

Mỗi người học làm được thông thạo việc gì đó sau một thời gian học tập dài, ngắn khác nhau tùy thuộc chủ yếu vào khả năng, nhịp độ học của người đó. Người học thực sự được coi là trung tâm và có cơ hội phát huy tính tích cực, chủ động của mình. Trong dạy học theo năng lực, người ta không quy định cứng nhắc về thời gian học, người học được phép tích lũy tín chỉ về những gì đã học trước đó, không phải học lại những điều đã học một khi được công nhận là đã thông thạo, có khả năng thực hiện chúng theo tiêu chuẩn quy định. Đây là sự khác biệt cơ bản so với triết lý đào tạo truyền thống định hướng vào chương trình học tập với thời gian cố định. (Buttram, Kershner, Rioux, & Dusewicz, 1985; Nguyễn Thị Hạnh, 2022)

- Tổ chức dạy học theo tiếp cận năng lực phải được thiết kế và thực hiện sao cho:

Người học hoàn thành chương trình học tập khi chứng tỏ là đã thông thạo tất cả các năng lực được xác định trong chương trình, không phụ thuộc vào thời lượng (số giờ hay tiết học) thực học;

Người học có thể học theo khả năng và nhịp độ của riêng mình và không phụ thuộc vào người khác. Do vậy, người học có thể vào học và kết thúc việc học ở những thời điểm khác nhau;

Mỗi người học phải liên tục có được các thông tin phản hồi cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực của mình;

Hồ sơ học tập của người học được ghi chép, lưu trữ. Người học được phép chuyển tiếp hoặc ra khỏi chương trình mà không cần học lại những năng lực mà họ đã thông thạo, được công nhận và tích lũy bằng các tín chỉ (credits).

Dạy học theo năng lực đặt trọng tâm vào việc giải quyết vấn đề, vào việc hình thành năng lực cho người học hơn là tập trung vào giải quyết nội dung chương trình. Việc đánh giá kết quả học tập của người học dựa vào các tiêu chuẩn thực hiện (performance standard). Các tiêu chuẩn thực hiện được xác định chủ yếu từ các tiêu chuẩn nghề; chỉ khi nào người học đã “đạt” tất cả các tiêu chuẩn đặt ra thì mới được công nhận đã học xong chương trình đào tạo. (Griffith & Lim, 2014; Richards & Rogers, 2001; Nguyễn Thị Hạnh, 2022)

- Kiểm tra đánh giá trong chương trình dạy học theo tiếp cận năng lực

Đánh giá kết quả học tập là một quá trình đo lường, thu thập chứng cứ và đưa ra những phán xét về một năng lực nào đó đã đạt được hay chưa ở người học tại một thời điểm nhất định theo những yêu cầu thực hiện đã xác định trong tiêu chuẩn nghề hoặc mục tiêu dạy học.

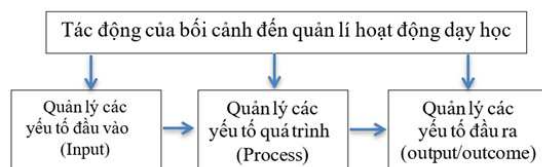
Vì không thể quan sát trực tiếp được năng lực nên cần phải có một số chỉ dấu hay chỉ số gián tiếp có thể hàm ý hay biểu hiện được năng lực. Chính bản chất của các chỉ dấu là có giá trị của sự hàm ý hay biểu hiện, vì vậy chúng là những chứng cứ, những yếu tố chủ yếu liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá và xác nhận về năng lực.

Việc đánh giá trong dạy học theo năng lực phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, tiêu chí, nghĩa là nó đo sự thực hiện hay thành tích của một cá nhân người học trong mối liên hệ so sánh với các tiêu chuẩn, tiêu chí chứ không có liên hệ so sánh gì với sự thực hiện hay thành tích của người khác.

Các bài đánh giá và các hoạt động học tập nói chung cần phải thật, có thể đo lường được như các hoạt động trong thực tế tại nơi làm việc. (Griffith & Lim, 2014; Richards & Rogers, 2001)

3. Quản lý và quản lý môn học

Mô hình CIPO của UNESCO (2000) là mô hình thường được ứng dụng trong đào tạo. Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình này trong quản lý dạy học cũng hứa hẹn nâng cao chất lượng tại cơ sở đào tạo, trích trong nghiên cứu của các tác giả Trần Thị Quỳnh Loan và Nguyễn Xuân Thức (2018).



Hình 2. Ứng dụng quá trình CIPO vào quản lý dạy học

Mô hình CIPO có tính chất kiểm soát quá trình dạy học chịu sự tác động của tất cả các yếu tố hoàn cảnh (Context) gồm: Yếu tố đầu vào (Input); Yếu tố quá trình (Process); Yếu tố đầu ra (Output/Outcom). Cho nên, việc quản lý hoạt động dạy học theo CIPO là quản lý theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Quản lý các yếu tố đầu vào (Input): Là quản lý tuyển sinh, quản lý chương trình dạy học, quản lý các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy học; Đội ngũ giảng viên và các lực lượng tham gia vào quá trình dạy học, quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên, quản lý hoạt động học của sinh viên, quản lý cơ sở vật chất và phương tiện dạy học.

- Quản lý quá trình (Process): Là quản lý từ mục tiêu đến nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin.

- Quản lý các yếu tố đầu ra (output/outcome): Là đánh giá kết quả học tập, kết quả tốt nghiệp của người học, thu thập thông tin theo dõi công việc của người tốt nghiệp, khả năng thăng tiến nghề nghiệp trong quá trình họ hành nghề, qua đó đánh giá chất lượng và hiệu quả dạy học, điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xã hội.

Trong khuôn khổ bài viết, xét từ góc độ môn học, bài viết sẽ tập trung vào một số nội dung của quản lý quá trình môn học theo tiếp cận năng lực bao gồm các yếu tố sau:

- Quản lý yếu tố đầu vào: quản lý hoạt động dạy của giảng viên và học của sinh viên
- Quản lý yếu tố quá trình: mục tiêu môn học, nội dung dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức và kiểm tra đánh giá môn học, ứng dụng công nghệ thông tin.
- Quản lý các yếu tố đầu ra: đánh giá kết quả học tập môn học, thu nhận thông tin về chất lượng và hiệu quả dạy học qua khảo sát sinh viên và chiêm nghiệm của giảng viên.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về các đặc điểm dạy học và quản lý dạy học cấp độ môn học theo tiếp cận năng lực này là một nghiên cứu ứng dụng (applied research) theo Kumar (2011), nhằm đánh giá mức độ tiếp cận năng lực đang được thực hiện tại các cơ sở đào tạo.

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa tư liệu các tài liệu dùng cho dạy học môn học Tiếng Anh, trong học kỳ thứ 3 cho sinh viên không chuyên ngữ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, so sánh với các đặc điểm dạy học theo tiếp cận năng lực đã nêu trong phần 2, để đánh giá mức độ dạy học tiếng Anh và quản lý dạy học theo tiếp cận năng lực (Caramani, 2009).

Nghiên cứu cũng yêu cầu các nhà nghiên cứu, đồng thời là giảng viên môn tiếng Anh chiêm nghiệm - quá trình giảng viên phản ánh hoặc phân tích cách giảng dạy của mình để quan sát sự hiệu quả. Quá trình chiêm nghiệm sẽ phân tích các kỹ năng giảng dạy của người dạy, giúp họ xem xét và khắc phục những thiếu sót của mình và cũng biết các buổi học của họ có được người học yêu thích hay không (Concord 2002). Nghiên cứu yêu cầu các tác giả chiêm nghiệm lại việc sử dụng các tài liệu trong suốt quá trình dạy học và quản lý dạy học môn học.

Đối tượng nghiên cứu là hệ thống tài liệu trong quá trình dạy học môn tiếng Anh cơ bản, học kỳ thứ 3 dành cho sinh viên các khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh... là nhóm sinh viên sẽ học tiếng Anh chuyên ngành là tiếng Anh Thương mại ở học phần sau.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Xác định chuẩn đầu ra

Đề cương của trường nêu rõ chuẩn tiếng Anh cần đạt so với trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (theo quy định của Bộ GD&ĐT). Đồng thời cũng nêu rõ các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng đối với môn học. Một số nội dung chính được thấy trong đề cương là mục tiêu, hình thức tổ chức dạy học, phân phối thời gian, hình thức kiểm tra đánh giá, học liệu.

Tuy nhiên một số khác biệt từ góc độ dạy học theo năng lực dành riêng cho sinh viên các khối ngành về kinh tế lại thể hiện khá rõ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, trong khi tiếng Anh cơ bản tại nhiều trường áp dụng một đề cương cho tất cả các ngành không chuyên tiếng Anh như Kinh tế, Mỹ thuật, Kế toán, hay Công nghệ.

Cơ sở xây dựng đề cương là ma trận chuẩn đầu ra của chương trình môn Tiếng Anh Thương mại dành riêng cho sinh viên các khối ngành về kinh tế. Do đã được xác định theo định hướng chuyên ngành, nên tại học kỳ 3, môn học được đặt tên là Tiếng Anh Thương mại cơ bản 3 (TATMCB3), để phân biệt với một số học phần tiếng Anh cho các chuyên ngành khác, có chuẩn đầu ra theo từng năng lực về kỹ năng gắn liền với yêu cầu ngành nghề. Trích Đề cương chi tiết học phần TATMCB3 năm học 2021-2022, với nội dung có tính định hướng môi trường làm việc được in nghiêng (Bảng 1).

Bảng 1.

Mã chuẩn đầu ra của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của HP
L1	- Nhận biết, phát âm đúng, ghi nhớ nghĩa và sử dụng được các từ/ cụm từ trong mỗi bài học liên quan đến môi trường làm việc, kinh doanh, kinh tế và thương mại. - Nhận biết và sử dụng được các từ/ cụm từ, các cấu trúc, hiện tượng ngữ pháp được giới thiệu trong từng bài học về các chủ đề thuộc lĩnh vực kinh tế, thương mại...
L2	- Kỹ năng nghe: Nghe hiểu các bài nói, các đoạn hội thoại liên quan đến các chủ đề đồ dùng và trang thiết bị văn phòng; phòng, ban, bộ phận, các chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban trong công ty; thông tin cơ bản về một công ty; các quy tắc ứng xử tại nơi làm việc; các vấn đề thường gặp ở nơi làm việc; sắp xếp và thay đổi các cuộc hẹn;... - Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn, bài viết, thư tín liên quan đến công việc.
L3	- Kỹ năng nói: Thực hiện các đoạn hội thoại về các chủ đề bài học trong chương trình (... các vấn đề thường gặp; đặt và thay đổi lịch hẹn, kế hoạch kinh doanh, quyền lợi của nhân viên)

Sơ với các đặc điểm được đề cập ở phần cơ sở lý thuyết, thì môn TATMCB3 tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội có tiếp cận năng lực ngành nghề rất tốt, theo đặc điểm một (quan tâm đến từng người học có thể làm được việc gì đó trong một tình huống nghề nghiệp nhất định theo tiêu chuẩn đề ra) và đặc điểm 2 (phải xác định được các năng lực mà người học cần đạt; chúng được coi như là kết quả, đầu ra của quá trình đào tạo. Sự thông thạo các năng lực thể hiện ở mức độ đáp ứng yêu cầu của môi trường làm việc) nêu trong phần hai.

Để phân tích nhu cầu về kỹ năng tiếng Anh cho khối ngành này, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã tiến hành khảo sát đối với 8 nhà tuyển dụng, 50 nhân viên, 132 sinh viên, 8 giảng viên dạy tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế/ Quản trị và 10 giảng viên chuyên ngành về Kinh tế/ Quản trị (Loan&Mai&Ngọc, 2018). Kết quả nghiên cứu thu được các yêu cầu về kỹ năng như Bảng 2.

Bảng 2.

Kỹ năng	Phân nhóm theo kỹ năng
Nghe	Nghe, ghi chép khi thảo luận với khách hàng Nghe và trao đổi qua điện thoại Nghe các bài thuyết trình và ghi chép theo tài liệu được phát.
Nói	Thương lượng giá, quy trình sản xuất và các tiêu chuẩn trong sản xuất Trao đổi công việc hàng ngày Trao đổi qua điện thoại Thảo luận với khách hàng Giải quyết các tình huống: hỏi đáp, yêu cầu, khiếu nại từ khách hàng Tham gia thảo luận trong các buổi họp, hội thảo chuyên đề, các buổi hướng dẫn.
Đọc	Đọc các tài liệu: Email trao đổi công việc Hợp đồng và các văn bản pháp lý Bảng giá và giới thiệu sản phẩm Thư tín Mô tả dịch vụ, các vấn đề được quan tâm ... Đề xuất, gợi ý, kiến nghị Mô tả vị trí làm việc, hồ sơ/ thông tin ứng viên
Viết	Viết các loại văn bản: Email trao đổi công việc Thư trao đổi công việc Bảng giá và giới thiệu sản phẩm Hợp đồng và các văn bản pháp lý Chương trình, lịch trình công tác, lịch trình cuộc họp

5.2. Xây dựng hướng dẫn tổ chức dạy học

Đây là tài liệu đi kèm với Đề cương môn học tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Hướng dẫn tổ chức dạy học của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thực hiện theo từng bài cung cấp đầy đủ thông tin về bài học giúp cho giảng viên: i) Nắm được đầy đủ, kĩ lưỡng các nội dung cần triển khai trước, trong và sau khi lên lớp với phần mô tả hoạt động rõ ràng, chi tiết từng phần từng nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên; ii) Nắm được hình thức học của bài học bao nhiêu phần trực tuyến, bao nhiêu phần trên lớp và bao nhiêu phần tự học. iii) Cách kiểm tra, đánh giá không chỉ các hoạt động trên lớp mà còn cả tình hình học trực tuyến và tự học của sinh viên.

Hướng dẫn tổ chức dạy học gồm Chuẩn đầu ra của học phần, Mục tiêu bài học, Hình thức (trực tuyến hay trực tiếp), thời lượng dạy-học, Phương pháp giảng dạy, Các hoạt động trực tuyến và Các hoạt động trên lớp (bao gồm hoạt động kiểm tra đánh giá), và Tài liệu kèm theo. Như vậy có thể thấy mục tiêu môn học được cụ thể trong từng bài.

Hướng dẫn tổ chức dạy học cho thấy một phần đặc điểm 3 và 5 nêu trên, theo cách mà sinh viên có thể học tập theo thời gian và tiến độ cá nhân. Đối với môn học, học phần học trực tuyến cho phép thực hiện được yêu cầu này. Nhờ có học phần học trực tuyến, sinh viên học theo ‘nhịp độ’ riêng. Đồng thời, khi đạt các chuẩn đặt ra của môn học thì mới tính là đạt môn học này. Sinh viên đều có thể học và thi nhiều lần cho đến khi đạt.

5.3. Giám sát quá trình dạy - học

Để triển khai việc giảng dạy và thuận lợi cho việc quản lý giảng dạy môn học từ phía giảng viên, sinh viên và cán bộ quản lý đối với từng lớp, nhà trường triển khai một tài liệu để theo dõi được tiến độ giảng dạy. Tài liệu này tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội gọi là Lịch giảng dạy. Lịch giảng dạy của có nội dung giảng dạy từng buổi học/tuần học thống nhất từ đầu kỳ, cho toàn bộ giảng viên. Về cơ bản, việc triển khai chỉ khác nhau về thời gian theo từng lớp học cụ thể và thực tế giảng dạy (nếu giảng viên phải đổi giờ dạy do lịch làm việc khác).

Môn học TATMCB3 được thực hiện trong 10 tuần, với 4 tiết học/tuần học trực tiếp với giảng viên. Và 4 tiết/tuần dành học trực tuyến với các tài nguyên cung cấp trên hệ thống học kết hợp. Sinh viên có thể truy cập từ bất cứ đâu và bất cứ thời gian nào.

Môn học thực hiện theo mô hình học kết hợp và lớp học đảo ngược. Yêu cầu sinh viên tự học và học trực tuyến trước khi lên lớp. Đặc biệt sinh viên phải làm bài minitest, giảng viên có thể nắm bắt được những phần lý thuyết còn vướng mắc và thực hiện củng cố trên lớp trực tiếp. Phần lớp học đảo ngược thể hiện ở việc sinh viên đọc trước bài giảng, sau đó soạn bài thuyết trình và thực hiện thuyết trình nội dung bài học theo nhóm. Các bài chuẩn bị sẽ được phản hồi với giảng viên trước khi giờ học trực tiếp bắt đầu.

Nhờ có chức năng của hệ thống quản lý dạy học LMS (Learning Management System). Phản hồi của sinh viên thực hiện thường xuyên, bao gồm 2 phần: i) Phần kết quả học tập được thực hiện tự động đối với các hoạt động học tập liên quan đến từ vựng, ngữ pháp, Nghe và Đọc; ii) Phần nhận xét học tập từ giảng viên: các bài Viết, nói, tiến độ học tập trực tuyến và một số điểm về hoạt động trên lớp trực tiếp của sinh viên (như khả năng phát âm, làm việc nhóm, tích cực xây dựng bài...). Tuy nhiên hệ thống LMS chưa cho phép sinh viên thực hiện đánh giá chéo (peer review).

5.4. Xây dựng tài liệu dạy học

Trong khi một số trường dùng sách bộ sách chưa định hướng riêng cho ngành nghề cụ thể nào trong học phần tiếng Anh cơ bản 3, thì Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội xây dựng mới tài liệu sao cho đạt mục tiêu gắn với ngành nghề và các chuẩn đầu ra của chương trình.

Nhà trường tự biên soạn theo chương trình sau khi thực hiện phân tích nhu cầu thông qua khảo sát doanh nghiệp (người lao động và quản lý lao động). Tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu môn học. Hệ thống bài giảng học kết hợp gồm phần trực tuyến và phần trên lớp. Các bài giảng được xây dựng với kiến thức và chuẩn đầu ra đặc thù của môn học. Giảng viên tạo hệ thống bài giảng thành từng tuần/từng chủ đề theo nội dung chương trình. Các phần đều nêu rõ mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi bài, các nội dung kiến thức

chính, tài liệu cần nghiên cứu và các hoạt động chuẩn bị cho bài học trên lớp. Tài liệu phục vụ giảng dạy được cung cấp từ đầu kỳ gồm: bài giảng Powerpoint, tài liệu phát cho sinh viên, sách giảng viên hướng dẫn thực hiện các hoạt động học tập.

Tài liệu cho sinh viên: sách hướng dẫn hoạt động nói trên lớp, các hoạt động tự học và Tài liệu trực tuyến hướng tới người học theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học. Tài liệu trực tuyến có các bài tập từ vựng, ngữ pháp, nghe, nói, đọc, viết. Tuy nhiên, nếu sinh viên có trình độ khác nhau học cùng một lớp thì tài liệu chưa có sự khác biệt.

Do có mục tiêu về kiến thức chuyên ngành và các chuẩn về kỹ năng có định hướng nghề nghiệp, có thể thấy hệ thống tài liệu tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đang đi đúng tiếp cận theo chuẩn năng lực.

5.5. Xây dựng tài liệu hướng dẫn đánh giá kết quả học phần

Theo đặc điểm thứ 3 của dạy học theo năng lực, việc đánh giá trong dạy học theo năng lực phải được thực hiện theo tiêu chuẩn, tiêu chí, nghĩa là nó đo sự thực hiện hay thành tích của một cá nhân người học trong mỗi liên hệ so sánh với các tiêu chuẩn, tiêu chí chứ không có liên hệ so sánh gì với sự thực hiện hay thành tích của người khác.

Đối với môn TATMCB3, bộ môn đã xây dựng được Hệ thống hướng dẫn đánh giá kết quả môn học gồm 4 bản mô tả kỹ thuật đề thi cho 4 bài đánh giá (thường xuyên 1, thường xuyên 2, giữa kỳ và kết thúc học phần) và 01 bản kế hoạch đánh giá. Hình thức và chuẩn đầu ra đánh giá với mỗi bài được mô tả trong phần sau.

Các nội dung trong một bản mô tả kỹ thuật đảm bảo đa dạng hóa các hình thức đánh giá mà vẫn đánh giá đúng chuẩn đầu ra của môn học. Một bản mô tả kỹ thuật gồm các thông tin chính như Bảng 3.

Bảng 3. Bản mô tả kỹ thuật đảm bảo đa dạng hóa các hình thức đánh giá

<p>PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG Mục đích đánh giá, Đối tượng đánh giá, Nội dung đánh giá</p> <p>PHẦN II: CẤU TRÚC BÀI ĐÁNH GIÁ Phần đánh giá, số lượng ý hỏi, thời gian thực hiện, chuẩn đầu ra được đánh giá và thang điểm</p> <p>PHẦN III: THÔNG TIN CHI TIẾT Phần đánh giá, dạng thức câu hỏi, đặc tả (Mô tả yêu cầu về câu hỏi thi và phần trả lời của thí sinh), chuẩn đầu ra</p> <p>PHẦN IV: CẤU HỎI MINH HOẠ Đề mẫu đầy đủ các phần đánh giá, dạng thức câu hỏi và đặc tả như phần III, điểm cho mỗi phần/ý</p> <p>PHẦN V: HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ Phần này hướng dẫn quy trình cho các hoạt động thi không theo hình thức tự luận.</p> <p>PHẦN VI: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ/ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM Phần này nêu rõ các tiêu chí, mô tả cho từng tiêu chí, trọng số điểm theo tiêu chí, chấm chuẩn đầu ra nào và chấm cá nhân/nhóm</p>
--

Thực hiện theo đúng mô tả kỹ thuật, nhóm giảng viên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đang xây dựng ngân hàng đề.

5.6. Thực hiện kiểm tra đánh giá

Tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cách thức thực hiện đánh giá được thông báo công khai cho sinh viên từ đầu học kỳ, và được nêu trong đề cương chi tiết của học phần.

Đánh giá của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thực hiện bám sát theo chuẩn đầu ra, điều này sát với mô tả đặc điểm 4 về đánh giá theo năng lực đã đề cập. Ngoài ra được mô tả trong phần 3.4.

Tổng hợp kết quả bước tiếp theo quan trọng sau khi thực hiện các bài kiểm tra. Do thực hiện theo các chuẩn đầu ra nên với mỗi sinh viên có thể biết được mức độ đạt được đối với mỗi chuẩn đầu ra ở mức độ nào. ĐH CNHN thực hiện báo cáo định kỳ với môn học theo các chuẩn đầu ra từ năm 2015, chi tiết trong mục 5.8 của bài viết này.

5.7. Tổ chức bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn

Bồi dưỡng nâng cao năng lực dạy học là một phần không thể thiếu trong quá trình quản lý dạy học tại bất kỳ cấp đào tạo nào, từ tiểu học đến đại học, hay từ chương trình đến từng môn. Việc bồi dưỡng chuyên môn có thể thực hiện qua nhiều hình thức. Tại cấp độ môn học, các giảng viên có thể thực hiện qua quá trình dự giờ và sinh hoạt chuyên môn.

Việc dự giờ không chỉ dành cho các giảng viên trẻ, mà khoa chủ trương mỗi giảng viên thực hiện ít nhất 1 lần giảng để mời giảng viên khác dự giờ và dự giờ ít nhất 2 giảng viên khác trong bộ môn. Các giờ này đăng ký theo tuần, và kèm theo là các biểu mẫu đánh giá dự giờ cho từng giảng viên dự và biên bản tổng hợp dự giờ của nhóm giảng viên cho 1 giờ học. Mỗi giảng viên sẽ được đánh giá về theo các tiêu chí: tạo liên hệ với bài học trước, giới thiệu mục tiêu bài học, tạo cơ hội/khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp (kể cả việc đánh giá chéo, làm việc nhóm), sử dụng tiếng Anh trong các hướng dẫn, tạo không khí lớp học, thực hiện các hoạt động có phù hợp với mục tiêu và logic, phản hồi cho sinh viên kịp thời, tổng kết các nội dung bài học.

Biên bản dự giờ ngoài chi tiết về giờ học sẽ tổng hợp được các điểm mạnh/yếu trong giờ dạy và các đề xuất nâng cao hiệu quả giảng dạy cho giảng viên. Như vậy, quá trình đánh giá chéo (peer review) này sẽ có lợi cho toàn bộ giảng viên tham gia chứ không phải chỉ có người được dự giờ.

5.8. Quản lý kết quả môn học theo tiếp cận năng lực

Báo cáo môn học

Mỗi giảng viên sẽ thực hiện báo cáo môn học khi có kết quả thi kết thúc học phần. Báo cáo thực hiện chủ trương mỗi giảng viên có thể chiêm nghiệm (reflection) về quá trình giảng dạy cũng như thể hiện tác động ngược của kiểm tra đánh giá (washback effect). Chiêm nghiệm là quá trình giảng viên phản ánh hoặc phân tích cách giảng dạy của mình để quan sát sự hiệu quả. Quá trình phân tích các kỹ năng giảng dạy của giảng viên giúp họ xem xét và khắc phục những thiếu sót của mình và cũng biết các buổi học của họ có được học sinh yêu thích hay không (Concord 2002).

Báo cáo môn học gồm các mục chi tiết: thông tin chi tiết về môn học, lớp thực hiện giảng dạy, đánh giá về phương pháp giảng dạy của giảng viên, kết quả của sinh viên theo các chuẩn đầu ra, phản hồi của sinh viên về môn học theo bảng khảo sát chung của trường và ý kiến của sinh viên về giảng viên giảng dạy bộ môn, kiến nghị/đề xuất của giảng viên đối với môn học.

Báo cáo môn học chưa nổi bật việc giảng viên có áp dụng phương pháp hay hình thức dạy học mới gì trong môn học, mặc dù giảng viên có thể đã thực hiện các nghiên cứu cải tiến trong môn học như của nhóm giảng viên Tạ Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Vân Khánh và Nguyễn Thị Huyền. (Ta, T. B. L., Nguyen, T. V. K., & Nguyen, T. H, 2023). Do vậy, quá trình ‘lan tỏa’ ngay trong nội bộ chưa cao.

Báo cáo học phần

Báo cáo học phần là tổng hợp của tất cả các báo cáo của nhóm giảng viên tham gia dạy học cùng môn. Điểm nổi bật nhất trong báo cáo là tổng hợp điểm toàn khóa theo các chuẩn đầu ra, từ đó có thể thực hiện các phân tích, so sánh các khóa học với nhau. Tuy nhiên, thực tế việc so sánh này chưa được thực hiện giữa các lớp của cùng một giảng viên, hay của giảng viên khác nhau cũng như chưa thực sự có sự so sánh xem mức độ đạt được về chuẩn đầu ra giữa các khóa.

Ngoài ra, báo cáo cho phép so sánh phản hồi của sinh viên đối với các giảng viên, từ đó bộ môn có thể có các biện pháp bồi dưỡng chuyên môn trong các kỳ học tiếp theo.

6. Kết luận

Dạy học ngoại ngữ theo tiếp cận năng lực là một chiến lược dạy học, đặt ra mục tiêu sinh viên đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, đồng thời vận dụng ngoại ngữ theo định hướng nghề nghiệp. Do vậy, đây là một chiến lược phù hợp với yêu cầu chung của phát triển kinh tế và hội nhập của đất nước. Kết quả nghiên cứu bộ tài liệu áp dụng trong môn học TATMCB 3 đã cho thấy kết quả tích cực - mô hình dạy học của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội phù hợp với tiêu chí dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Buttram, JL, Kershner, KM, Rioux, S., & Dusewicz, RA (1985). Evaluation of competency based vocational education, Final report. (BBB - 12,921). Harrisburg, PA: PA State Department of Ed. Department of Voc. & Tech. Ed. (Eric document reproduction Service No. ED 262 177)
- [2] Caramani, D. (2009). Introduction to the comparative method with boolean algebra, SAGE publications.
- [3] Cornford I.R. (2002). Reflective teaching: empirical research findings and some implications for teacher education, Journal of Vocational Education and Training, 54(2),219-236, DOI: 10.1080/13636820200200196
- [4] Đinh Thành Việt&Trần Thị Hà Vân (2021). Phát triển, bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo và đo lường đánh giá chuẩn đầu ra. Nxb Thông tin và Truyền thông.
- [5] Đinh Thị Hồng Thắm (2018). Quản lý chất lượng dạy học tiếng Anh chuyên ngành tại các trường cao đẳng khối kỹ thuật công nghệ. Luận án tiến sỹ, Đại học Giáo dục.
- [6] Griffith W.I.& LimH.Y. (2014).,Introduction to Competency-Based Language Teaching. MEXTESOL Journal, vol. 38 (2), 1-8
- [7] Kumar, R. (2011). Research Methodology – a step by step guide for beginners. SAGE publication Ltd.
- [8] Nguyễn Thị Hạnh (2022). CBLT programs for non-English major at universities in Vietnam: Management of some input and output factors. Tạp chí thiết bị giáo dục, 2 (tháng 6), 112-114.
- [9] Nguyễn Thị Loan, Hồ Thị Bạch Mai, Chúc Hồng Ngọc (2018). English requirements in Business working environment, conference presentation, Viettesol 2018. <https://www.researchgate.net>
- [10] Richards J.C.& Rodger T.S. (2001). Approaches and Methods in Language Teaching, New York: Cambridge University Press.
- [11] Ta, T. B. L., Nguyen, T. V. K., & Nguyen, T. H. (2023). Application of Padlet.com to Improve Assessment as Learning in Speaking Classes: An Action Research in Vietnam. AsiaCALL Online Journal, 14(1), 1-17. DOI: <https://doi.org/10.54855/acoj.231411>
- [12] TEDxPenangRoad (2017). truy cập ngày 10/6/2021 <https://www.youtube.com>
- [13] Trần Khánh Đức (2015). Năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học. Nxb Đại học quốc gia Hà nội.
- [14] Trần Thị Quỳnh Loan và Nguyễn Xuân Thúc (2018). Vận dụng tiếp cận CIPO vào quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. Tạp chí Giáo dục, vol. 422, (21), 8-11.

ABSTRACT

Management of competency-based english teaching: the module level management

Competency-based teaching is a practical trend which receives attention from educational governance in the context of educational innovation. To ensure the quality of a training program, it is necessary to ensure the quality from the development and implementation stages to the evaluation and improvement stages. The development process cannot be completed without an important link, which is the development of modules. This article studies the module-level management process at a multi discipline university, thereby making recommendations to improve the quality of the module in particular and of English teaching in universities in general.

Keywords: *Competency CBLT, competency-based module management, basic English level 3.*